

Số 71/2024/QĐCNTTLH

An Thi, ngày 04 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của
anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1982 và chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1983;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024 về việc ly hôn của người khởi kiện:
Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1982.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 08 năm 2024 về thuận
tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1982

Người bị kiện: Chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1983

Đều trú tại: CT, XT, AT, Hưng Yên

- Các tài liệu theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên
chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại
khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được
ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15/8/2024 có đủ điều kiện quy
định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa
giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15/8/2024, cụ thể
như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn
Đình Đ và chị Bùi Thị Ng.

- Về con chung: Anh Đ, chị Ng có 02 con chung là Nguyễn Đình V, sinh ngày 14/02/2007 và Nguyễn Đình N, sinh ngày 10/01/2011. Nay ly hôn, anh Đ, chị Ng thống nhất thỏa thuận để anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Đôi bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh Đ, chị Ng không yêu cầu giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Ân Thi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi;
- UBND xã Xuân Trúc, Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Phạm Bá Hân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-OD:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp tỉnh của tỉnh đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng thì ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG”; Ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO” nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.
- (2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;
- (3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM.....
- (4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.
- (5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.
- (9) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (10) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án.